

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HS-ST
Ngày: 27 - 4 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU T TỈNH LONG AN**

- *T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Đinh Ngọc Đình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu T tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Long An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Ngọc T (Tên gọi khác: T), sinh năm 1997 tại T phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị G; có vợ: Nguyễn Thị Thu H; Con: 01 người, sinh năm: 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/11/2020 cho đến nay có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương T N, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu T, tỉnh Long An, có mặt;

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu T, tỉnh Long An, vắng mặt;

3. Ông Trần Văn H, sinh năm 1966; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện Châu T, tỉnh Long An, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ ngày 17/8/2020, Công an xã T tuần tra trên tuyến đường tỉnh 827A, thuộc ấp B, xã T, huyện Châu T, tỉnh Long An thì phát hiện Trần Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số 62F9-6551 có biểu hiện nghi vấn, lực lượng tiến hành dừng phương tiện, kiểm tra và phát hiện trên tay trái của T đang cầm 01 túi ni lon chứa tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy. Lực lượng tiến hành làm việc đối với T và kiểm tra tại phòng trọ số 01, nhà trọ L thuộc ấp B, xã T, huyện Châu T (nơi T đang thuê trọ), Công an tiếp tục phát hiện 01 túi nilon có chứa tinh thể màu trắng (cùng loại với túi đã phát hiện) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, 01 ống hút bằng nhựa và 01 hộp quẹt ga nên lực lượng tiến hành lập biên bản thu giữ các vật chứng trên cùng xe mô tô biển số 62F9-6551 để tiến hành điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra Trần Ngọc T thừa nhận 02 túi nilon Công an thu giữ có chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá, T mua của 01 thanh niên không rõ tên tuổi địa chỉ ở Quận 8, T phố Hồ Chí Minh đem về để sử dụng và bán lẻ cho các con nghiện trên địa bàn xã T. Trong đó gói ma túy mà lực lượng công an thu giữ tại phòng trọ là gói ma túy mà T mua vào ngày 15/8/2020 với giá 500.000 đồng, gói này T đã sử dụng và bán 03 lần cho 02 đối tượng cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 14 giờ ngày 15/8/2020 Trần Ngọc T bán cho Trương T N (tên thường gọi là Hèm) sinh năm 1986, địa chỉ ấp B, xã T, huyện C 01 tép với số tiền 100.000 đồng.

Lần 2: Vào khoảng 18 giờ ngày 16/8/2020 Trần Ngọc T tiếp tục bán cho Trương T N 01 tép với số tiền 100.000 đồng (lần này N mua thiếu chưa trả tiền).

Lần 3: Vào khoảng 13 giờ ngày 17/8/2020 Trần Ngọc T bán cho Nguyễn Văn T (tên thường gọi là C) sinh năm 1981, địa chỉ ấp B, xã T, huyện Châu T 01 tép ma túy với số tiền 200.000 đồng.

Sau khi thu giữ vật chứng Công an lập biên bản xét nghiệm nước tiểu của T vào lúc 22h 30 phút ngày 17/8/2020. Kết quả dương tính với chất ma túy Methamphetamine.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành trưng cầu giám định 02 túi nilon đã thu giữ. Tại bản kết luận giám định số 795/KLGD-2020 ngày 25/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công An tỉnh Long An kết luận:

1. Tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nilon có rãnh khếp viền màu xanh được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,3798 gam, loại Methamphetamine.

2. Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nilon hàn kín được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng là 0,0485 gam, loại Methamphetamine.

Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng là 1,1172 gam, được niêm phong số 795.

Bị cáo đồng ý với kết quả giám định không có khiếu nại gì.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKSCT ngày 10/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Dại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Ngọc T theo tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu.

Về hình phạt: Đề N Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, 50, điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 07 năm đến 08 năm tù. Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Về vật chứng: Đề N Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy: 02 gói chất rắn màu trắng được xác định là ma túy, sau khi giám định khối lượng còn lại là 1,1172 gam, loại Methamphetamine, được niêm phong số 795.

Buộc bị cáo phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 400.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề N Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu T, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Nhằm mục đích kiếm lời từ việc mua bán trái phép chất ma túy và để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo Trần Ngọc T đã điều khiển xe mô tô biển số 62F9-6551 đi từ xã T, huyện Châu T lên địa bàn Quận 8, TPHCM mua ma túy của một đối tượng không rõ địa chỉ lai lịch đem về xã T để sử dụng và bán lại cho các con nghiện tại địa phương. Bị cáo T đã bán cho Trương T N và Nguyễn Văn T vào các ngày 15, 16 và 17 tháng 8 năm 2020 được số tiền 400.000 đồng (trong đó có 01 lần bán thiếu cho Trương T N số tiền 100.000 đồng). Theo kết quả giám định: Tinh thể màu trắng thu giữ của bị cáo là ma túy, có tổng khối lượng 1,4283 gam, loại Methamphetamine. Do đó hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự.

[3] Bị cáo là người đã T niên có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Hành vi của bị cáo Trần Ngọc T đã đủ yếu tố cấu T tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát huyện

Châu T truy tố bị cáo Trần Ngọc T với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 251 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) ...;

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) ...”

[4] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn tại địa phương. Ma túy là chất gây nghiện vô cùng nguy hiểm, không chỉ làm suy kiệt kinh tế và sức lao động mà còn có thể làm hạn chế hoặc mất đi khả năng điều khiển hành vi của con người. Khi người bị mắc nghiện ma túy rất dễ nảy sinh nhiều hành vi phạm tội khác. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó cần có hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo nhằm trừng trị tội phạm và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc T đã T khấn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo T công dân tốt.

[6] Xét đề N của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Trần Ngọc T nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề N Hội đồng xét xử áp dụng điểm r Điều 51 Bộ luật hình sự (người phạm tội tự thú) đối với bị cáo là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy: 02 gói chất rắn màu trắng được xác định là ma túy, sau khi giám định khối lượng còn lại là 1.1172 gam, loại Methamphetamine, được niêm phong số 795.

Buộc bị cáo phải nộp số tiền 400.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội sung vào ngân sách nhà nước. Trong quá trình điều tra, ông Trương T N đã nộp số tiền 100.000 đồng là tiền mua ma túy thiếu của bị cáo Trần Ngọc T, tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo việc thi hành án.

[8] Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định xe mô tô 62F9-6551 là của cha của bị cáo T tên Trần Văn H mua của người khác chưa sang tên. Ông H cho bị cáo T mượn sử dụng, bị cáo dùng phương tiện vào việc phạm tội ông H không biết nên không có lỗi. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông H là phù hợp.

Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa, 01 ống hút bằng nhựa và 01 hộp quẹt ga Công an huyện Châu T đã tịch thu xử lý theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPHC ngày 24/02/2021 là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 38, 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 07 (bảy) năm tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày kể từ ngày 27/4/2021 để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 gói ma túy đã được niêm phong bên trong có khối lượng 1.1172 gam, loại Methamphetamine (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Long An).

Buộc bị cáo phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 400.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước. Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000 đồng theo biên lai thu số 0000023 ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T tỉnh Long An để đảm bảo việc thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Ngọc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND, CA huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh